

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 5 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN I.2 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 39, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Anh	1	20	8.0	Tám	
2	Nguyễn Văn Biên	2	19	7.5	Bảy rưỡi	
3	Đoàn Văn Cường	3	65	7.5	Bảy rưỡi	
4	Nguyễn Thị Dân	4	11	8.0	Tám	
5	Ma Huyền Dự	5	26	7.0	Bảy	
6	Trần Văn Đại	6	36	7.5	Bảy rưỡi	
7	Vũ Xuân Đại	7	35	7.5	Bảy rưỡi	
8	Trần Tiến Đại	8	34	7.0	Bảy	
9	Phạm Thế Đức	9	33	7.5	Bảy rưỡi	
10	Ngô Văn Giang	10	25	7.5	Bảy rưỡi	
11	Đỗ Văn Giang	11	14	7.0	Bảy	
12	Trần Thị Hào	12	30	7.5	Bảy rưỡi	
13	Trần Thị Hiền	13	16	7.0	Bảy	
14	Dương Đức Hiếu	14	44	7.0	Bảy	
15	Trần Thị Hoa	15	64	7.0	Bảy	
16	Nguyễn Thị Hòa	16	63	7.0	Bảy	
17	Hoàng Lê Hoan	17	42	7.0	Bảy	
18	Phan Thị Kim Hoàn	18	24	8.0	Tám	
19	Vi Văn Hợi	19	23	7.0	Bảy	
20	Lê Thị Hồng	20	67	7.0	Bảy	
21	Nguyễn Thị Huệ	21	10	7.0	Bảy	
22	Đỗ Mạnh Hùng	22	43	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Phạm Xuân Hưng	23	29	7.0	Bảy	
24	Hoàng Văn Hưng	24	12	7.5	Bảy rưỡi	
25	Phạm Thị Mai Hương	25	17	8.0	Tám	
26	Vũ Thị Huyền	26	55	7.5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Văn Huỳnh	27	22	8.0	Tám	
28	Nguyễn Trung Kiên	28	15	7.5	Bảy rưỡi	
29	Trịnh Thị Lê	29	09	7.5	Bảy rưỡi	
30	Đoàn Thị Len	30	28	7.5	Bảy rưỡi	
31	Dương Thị Liên	31	68	8.0	Tám	
32	Đinh Thị Thùy Linh	32	62	8.0	Tám	
33	Nguyễn Thị Phương Loan	33	60	7.5	Bảy rưỡi	
34	Ma Đình Lương	34	41	7.0	Bảy	
35	Phạm Thị Mai	35	59	8.0	Tám	
36	Lê Thị Trà My	36	13	8.0	Tám	
37	Nông Thị Nghị	37	40	7.0	Bảy	
38	Nguyễn Xuân Ngọc	38	39	7.0	Bảy	
39	Nguyễn Thị Nhân	39	50	8.0	Tám	
40	Vũ Thị Nhung	40	70	7.5	Bảy rưỡi	
41	Lý Thị Thu Phương	41	27	8.0	Tám	
42	Lâm Thanh Quyết	42	58	7.0	Bảy	
43	Lý Thị Sinh	43	52	8.0	Tám	
44	Lê Văn Sơn	44	54	7.5	Bảy rưỡi	
45	Lê Văn Sỹ	45	49	7.0	Bảy	
46	Trần Huy Thái	46	48	7.5	Bảy rưỡi	
47	Hoàng Thị Thắm	47	47	8.0	Tám	
48	Dương Thủy Thanh	48	38	7.5	Bảy rưỡi	
49	Nguyễn Hữu Thanh	49	53	6.5	Sáu rưỡi	
50	Nông Văn Thanh	50	56	7.0	Bảy	
51	Ma Doãn Thành	51	46	6.5	Sáu rưỡi	
52	Đặng Văn Thuật	52	21	6.5	Sáu rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Cao Thị Thủy	53	45	7.0	Bảy	
54	Nguyễn Đăng Huyền Trang	54	32	8.0	Tám	
55	Nguyễn Thị Thu Trang	55	57	7.0	Bảy	
56	Nguyễn Xuân Trường	56	61	7.0	Bảy	
57	Dương Minh Tuấn	57	37	7.5	Bảy rưỡi	
58	Diệp Anh Tùng	58	69	7.5	Bảy rưỡi	
59	Trần Thị Văn	59	51	8.0	Tám	
60	Triệu Thị Vần	60	18	7.0	Bảy	
61	Lương Quang Vĩnh	61	66	8.0	Tám	
62	Hoàng Tuấn Vũ	62	31	7.0	Bảy	
63	Nguyễn Việt Bắc	63	01	7.0	Bảy	Phần I.2 - K45TT
64	Nguyễn Sinh Thiện	64	02	7.0	Bảy	Phần I.2 - K45TT
65	Lưu Tuấn Việt	65	03	7.0	Bảy	Phần I.2 - K45TT
66	Phùng Thị Kim Oanh	66	04	7.5	Bảy rưỡi	Phần I.2 - K45TT
67	Nguyễn Đức Ninh	67	05	7.0	Bảy	Phần I.2 - K45TT
68	Ngô Thượng Phương	68	06	7.0	Bảy	Phần I.2 - K45TT
69	Nguyễn Thị Thanh Hải	69	08	8.0	Tám	Phần III.1 -K7 TPSC
70	Ngô Thị Nhạn	70	07	7.5	Bảy rưỡi	Phần I.2 - K8 Đồng Hỷ

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên